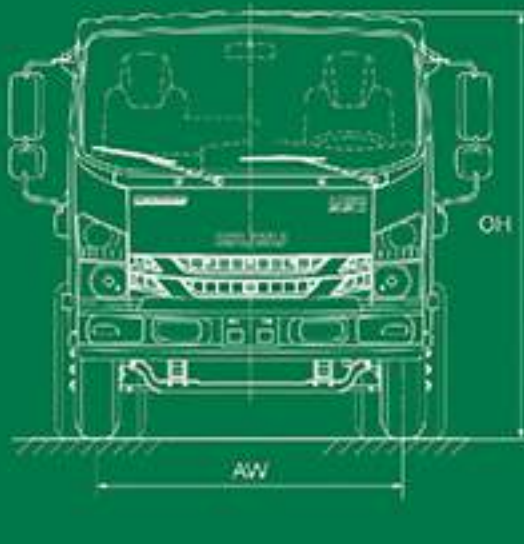
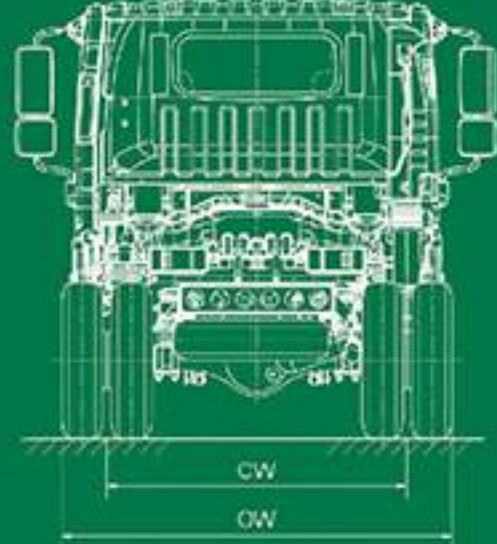
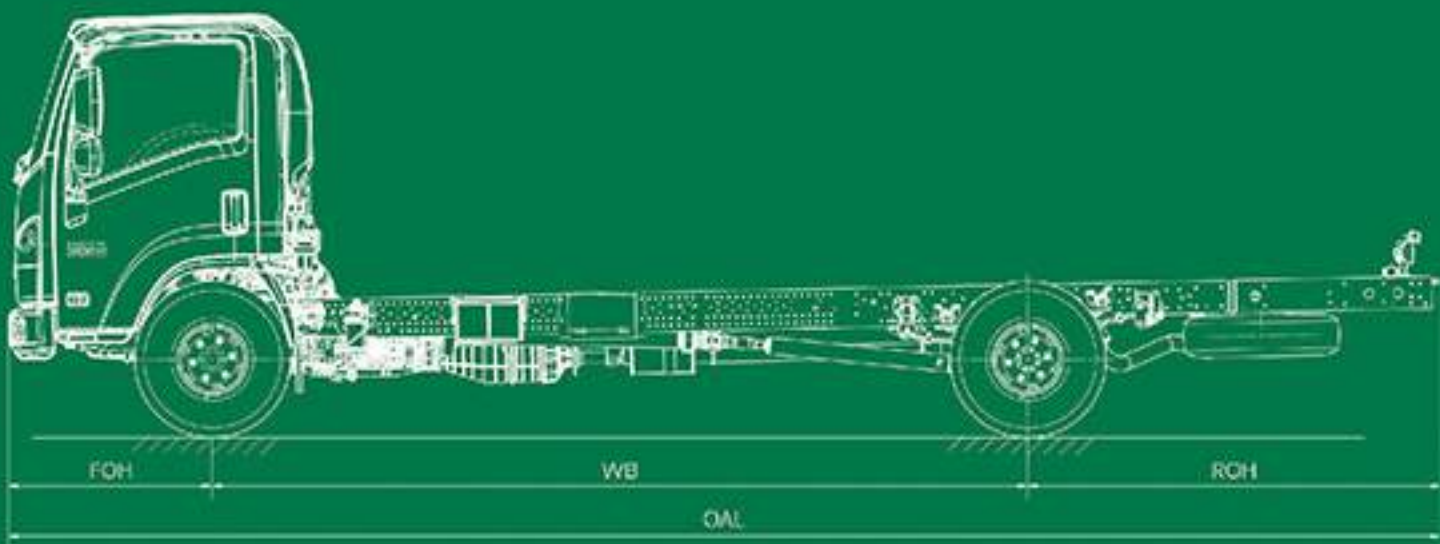


THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS		NPR85KE5		NPR85ME5		NQR75HE5		NQR75LE5		NQR75ME5	
KHỐI LƯỢNG / MASS											
Khối lượng toàn bộ / Gross vehicle mass	kg	7,500				9,500					
Khối lượng bản thân / Kerb mass	kg	2,490		2,580		2,800		2,820		2,840	
Số chỗ ngồi / Number of seats	Người / Persons					03					
Thùng nhiên liệu / Fuel tank	Lít / Liters					100					
KÍCH THƯỚC / DIMENSIONS											
Kích thước tổng thể DxRxC / Overall Dimension (OALxOWxOH)	mm	6,680 x 2,120 x 2,305		7,855 x2,120 x 2,305		6,025 x 2,150 x 2,350		7,395 x 2,150 x 2,350		7,865 x 2,150 x 2,350	
Chiều dài cơ sở / Wheelbase (WB)	mm	3,815		4,475		3,365		4,175		4,475	
Vết bánh xe trước - sau / Front - Rear tread (AW/CW)	mm					1,680 / 1,650					
Khoảng sáng gầm xe / Ground clearance (HH)	mm	200				225					
Chiều dài đầu - đuôi xe / Front - Rear overhang (FOH/ROH)	mm	1,110 / 1,755		1,110 / 2,270		1,110 / 1,550		1,110 / 2,110		1,110 / 2,280	
ĐỘNG CƠ & TRUYỀN ĐỘNG / ENGINE & TRANSMISSION											
Tên động cơ / Model		4JJ1E5LE				4HK1E5N					
Loại động cơ / Type		Phun nhiên liệu điện tử, tăng áp - làm mát khí nạp / Common rail, turbo - intercooler									
Tiêu chuẩn khí thải / Emission standard		EURO 5									
Dung tích xy lanh / Displacement	cc	2,999				5,193					
Công suất cực đại / Max. power	Ps(kW) / rpm	124 (91) / 2,600				155(114)/ 2,600					
Momen xoắn cực đại / Max. torque	N.m(kgf.m) / rpm	354 (36) / 1,500				419(43) / 1,600-2,600					
Hộp số / Transmission		MY6S - 6 số tiến & 1 số lùi / 6 Forward & 1 Reverse									
Bộ trích công suất / PTO		-		-		Tiêu chuẩn / Standard		-		-	
TÍNH NĂNG ĐỘNG HỌC / PERFORMANCE											
Tốc độ tối đa / Max speed	km/h	88				97		90			
Khả năng vượt dốc tối đa / Gradeability	%	35				28		26			
Bán kính quay vòng tối thiểu / Min Turning Radius	m	7.1		8.1		6.9		8.4		8.9	
HỆ THỐNG CƠ BẢN / BASIC SYSTEMS											
Hệ thống lái / Steering system		Trục vít - ê cu bi trợ lực thủy lực / Recirculating ball with hydraulic assisted									
Hệ thống treo trước - sau / Suspension System Front - Rear		Phụ thuộc, nhíp lá và giảm chấn thủy lực / Dependent, leaf spring, shock absorber									
Hệ thống phanh trước - sau / Brake System Front - Rear		Tang trống, phanh dầu mạch kép trợ lực chân không / Drum, hydraulic with vacuum servo assistance, dual circuit									
Kích thước lốp trước - sau / Tire Size Front - Rear		Tiêu chuẩn / Standard: 7.50R16 Tùy chọn / Option: 7.50-16 14PR				Tiêu chuẩn / Standard: 8.25R16 Tùy chọn / Option: 8.25-16 14PR					
Máy phát điện / Generator		24V-50A									
Ắc quy / Battery		12V-70(Ah) x 02									

* Hình ảnh & thông số kỹ thuật có thể khác so với thực tế và có thể thay đổi mà không báo trước.
* Those specifications & photos would be able to change without notice and may vary from actual ones.



CÔNG TY TNHH Ô TÔ ISUZU VIỆT NAM

📍 695 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

☎ (84-28)3 895 9203

f /IsuzuVietnamCompany

🌐 www.isuzu-vietnam.com

📺 IsuzuVnCo

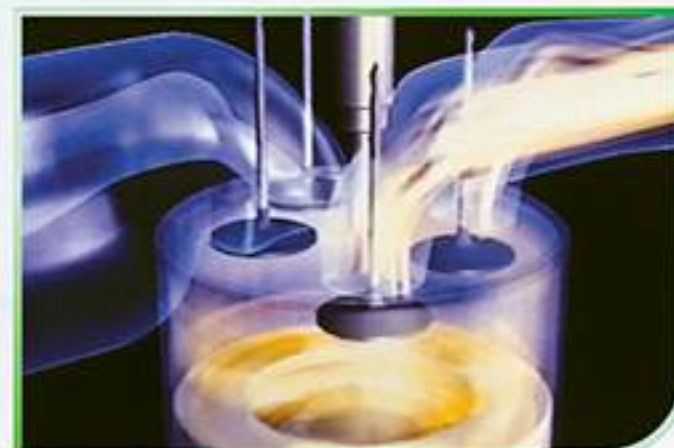
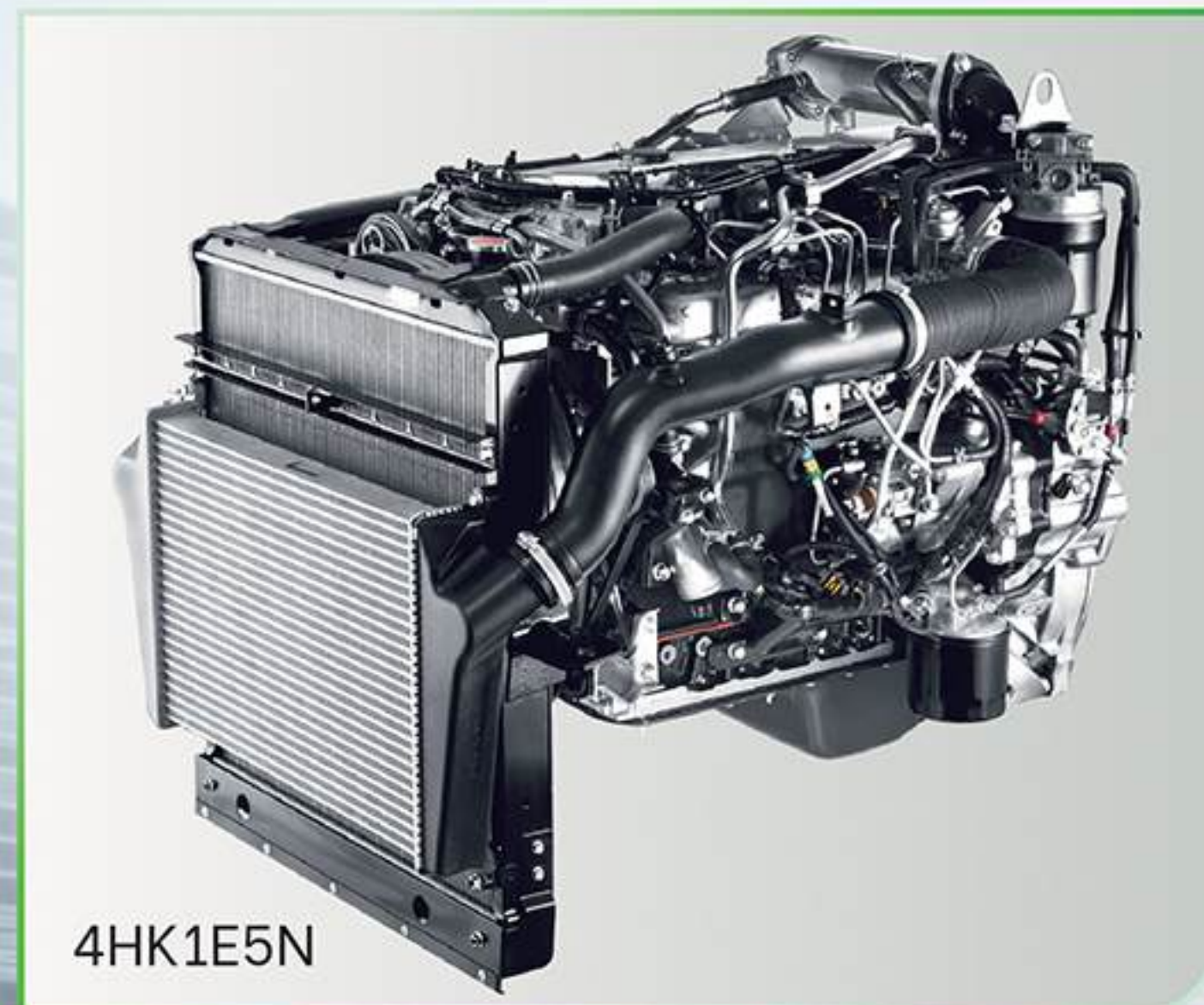
FORWARD N-SERIES



GREENPOWER
TIỀN PHONG CÔNG NGHỆ XANH

ISUZU
MASTER TRUCK

FORWARD N-SERIES MASTER TRUCK *GREENPOWER*



Tối ưu công suất, tiết kiệm nhiên liệu
Optimal power & fuel economy



Hệ thống Common Rail áp suất cao
High-pressure Common Rail System

ISUZU NEW FORWARD N-SERIES GREEN POWER - là “Sự lựa chọn thông minh” của khách hàng ở phân khúc xe tải nhẹ. ISUZU N-SERIES MASTER TRUCK sở hữu nhiều đặc tính ưu việt: **động cơ COMMON RAIL Euro 5** tiếp tục kế thừa khả năng vận hành mạnh mẽ và bền bỉ; trang bị thêm nhiều tiện nghi mới như **cổng sạc nhanh USB 5V - 2.4A**, **hộp đựng dụng cụ lớn**; **khung gầm chắc chắn, tải trọng cao**. Xe đáp ứng linh hoạt mọi nhu cầu vận tải phù hợp nhiều loại hàng hóa và cung đường. Đặc biệt, thế hệ N-Series Green Power mới đạt tiêu chuẩn khí thải Euro 5 vận hành mạnh mẽ, bền bỉ và tiết kiệm nhiên liệu vượt trội so với các dòng xe cùng phân khúc.

ISUZU NEW FORWARD N-SERIES GREEN POWER - is the “Smart choice” of customers in the light truck segment. ISUZU N-SERIES MASTER TRUCK possesses many outstanding features: **COMMON RAIL Euro 5 engine** continuously be inherited durable and powerful operation; **solid chassis, high load capacity**; equipped with many new amenities such as **5V - 2.4A USB fast charging port**, **large tool box**. The vehicle flexibly meets all transportation needs and type of goods. Particularly, the new generation of N-Series Green Power meets Euro 5 emission standards is powerful, durable and has superior fuel economy compared to other vehicles in the same segment.



Không gian nội thất rộng rãi, tiện nghi
Spacious and convenient interior



Vị trí hộc chứa đồ tiện dụng đa dạng
Many usefull storages & cup holders



Cổng sạc nhanh USB 5V-2.4A (Mới)
USB fast charger 5V-2.4A (New)



Cửa sổ chỉnh điện và Khóa cửa trung tâm
Power windows and Center door lock



Hệ thống treo cứng cáp bền bỉ
Strong and durable suspension system



Hộp đựng dụng cụ lớn đa năng (Mới)
Flexibly large tool box (New)

TRANG BỊ / EQUIPMENTS

- 02 tấm che nắng cho tài xế & phụ xế / 02 sunvisors for driver & co-driver
- Cửa sổ chỉnh điện & Khóa cửa trung tâm / Power windows & Center door lock
- Tay nắm cửa an toàn bên trong / Inside guard bar
- Nút mồi thuốc / Cigar lighter
- Hệ thống điều hòa / Air conditioner
- Dây an toàn 03 điểm / 03 points seat belts

- Kèn báo lùi / Reversing warning buzzer
- Hệ thống làm mát và sưởi kính / Cooler and defroster
- USB-MP3, AM-FM radio
- Hộp đen lưu dữ liệu hoạt động xe DRM / Data recording module
- Cảnh báo khóa cabin / Tilt cab warning buzzer
- Phanh khí xả / Exhaust brake

* Hình ảnh & thông số kỹ thuật có thể khác so với thực tế và có thể thay đổi mà không báo trước / Those specifications & photos would be able to change without notice and may vary from actual ones.



ISUZU
★ BẢO HÀNH 3 NĂM ★
KHÔNG GIỚI HẠN SỐ KM